

Số: 35/2025/QĐST-HNGĐ

Khoái Châu, ngày 21 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07/02/2025, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Những người yêu cầu:*

- Anh **Nguyễn Văn Q**, SN 1984.

Nơi cư trú: thị tứ B, xã H (nay là xã Đ), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Chị **Lê Thị Huyền T**, SN 1989.

Nơi cư trú: thị tứ B, xã H (nay là xã Đ), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện ở tại: số C, phố Chợ M, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 04/12/2014.

- Cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 27/4/2016.

Người đại diện cho cháu Minh C và Ngọc Á là anh Q, chị T – Bố, mẹ đẻ.

Nơi cư trú: thị tứ B, xã H (nay là xã Đ), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 26/10/2012, trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã Đ), huyện K, tỉnh Hưng Yên cho đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa anh Q và chị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh như tính tình không hợp, hay xung đột, cãi lộn lẫn nhau, mỗi người ở một nơi. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người mỗi quan điểm, kinh tế riêng biệt. Hai bên đã bàn bạc, suy nghĩ xác định cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, không thể tiếp tục nên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả 2 đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng

thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của anh Q, chị T nên cần chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh Q, chị T đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 04/12/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 27/4/2016. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Minh C, còn anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Á kể từ ngày 13/02/2025 đến khi thành niên, đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, 02 bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản.

[3] *Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất* 03, công sức với 2 bên gia đình nội, ngoại anh Q, chị T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí, lệ phí Tòa án*: Anh Q, chị T thỏa thuận để anh Q chịu toàn bộ và nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Huyền T.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 04/12/2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày 13/02/2025 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 27/4/2016 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày 13/02/2025 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, 02 bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về các vấn đề khác*: Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức với 2 bên gia đình nội, ngoại đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh Q tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Q đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002419 ngày 07/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Anh Q đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- UBND xã Đồng Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường